

Bản án số: 213/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2025

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Thi và bà Lê Thị Hiếu.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 413/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ru Ki G, sinh năm 1990; nơi thường trú: Tổ A, ấp L, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Mô Ham Mách Sa L, sinh năm 1988; nơi thường trú: Tổ H, ấp L, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà Ru K Giá vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Sa L vắng mặt không rõ lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Ru Ki G trình bày: Bà và ông Sa L tự tìm hiểu yêu thương nhau rồi về chung sống với nhau không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký ký hôn tại ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang vào năm 2013. Sau khi cưới bà và ông Sa L sinh sống tại gia đình cha mẹ ruột của bà. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sống

không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông Sa L thường ghen tương vô cớ và dùng lời lẽ thô tục xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà, vợ chồng từ đó thường xuyên gây cãi nhau làm cho gia đình không còn hạnh phúc. Bà và ông Sa L ly thân nhau từ đó, không hàn gắn tình cảm. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Sa L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Sa L có 03 (ba) con chung tên: 1/ Ru Ha N, sinh ngày 28/11/2011; 2/ Nur Roh Mách, sinh ngày 23/12/2016; 3/ Ru Hi Tha D, sinh ngày 24/12/2019, hiện 03 con chung đang được bà R Ki Giá nuôi dạy. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 03 con chung, yêu cầu ông Sa L cấp dưỡng nuôi 03 con, mỗi cháu là 1.000.000 (một triệu) đồng/01 tháng đến khi 03 con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Sa L không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến; ông Sa L cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Theo biên bản ghi nhận lời khai người thân của bà Ru Ki G và ông Sa L thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hiện không còn sống chung với nhau.

Tại phiên tòa, bà Ru K Giá vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng ông Sa L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn và về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Ru K Giá khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Sa L, đồng thời ông Sa L vẫn thường trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Ru K Giá vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Sa L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Ru Ki G và ông Sa L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét, yêu cầu của bà Ru K Giá xin ly hôn với ông Sa L, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Ru Ki G và ông Sa L phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân, thời gian ly thân giữa ông bà đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, điều này phù hợp với các biên bản làm việc với người làm chứng, người cho ý kiến mà Tòa án thu thập được. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Ru Ki G và ông Sa L đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà R Ki Giá theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 03 (ba) con chung: 1/ Ru Ha N, sinh ngày 28/11/2011; 2/ Nur Roh Mách, sinh ngày 23/12/2016; 3/ Ru Hi Tha D, sinh ngày 24/12/2019, hiện 03 con chung đang được bà R Ki Giá nuôi dạy, bà yêu cầu được nuôi 03 con. Xét thấy 03 cháu N, M, D từ trước đến nay được bà R Ki Giá trực tiếp nuôi dạy, tình cảm mẹ con đã thật sự gắn bó. Do đó, để tránh làm xáo trộn về mặt tâm lý đối với con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà R Ki Giá được tiếp tục nuôi dạy 03 con chung Ru H, Nur R và Ru Hi Tha D.

[4] Về cấp dưỡng: Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà R Ki Giá yêu cầu ông Sa L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 3 con chung, mỗi con 1.000.000 đồng/01 tháng. Xét thấy: Căn cứ vào khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác; Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con”, do đó ông Sa L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 cháu: Ru Ha Ny, Nur R và Ru Hi Tha D là phù hợp. Về phương thức cấp dưỡng mà bà R Ki Giá yêu cầu cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về mức cấp dưỡng: theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người

giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”, đồng thời căn cứ theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: “Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Do đó, mức cấp dưỡng mà bà R Ki Giá yêu cầu ông Sa L cấp dưỡng cho 03 cháu theo quy định pháp luật là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông Sa L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 cháu Ru H, Nur R và Ru Hi Tha D mỗi cháu là 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ru K Giá không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà R Ki Giá là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông Sa L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Ru Ki G..

Về hôn nhân: Bà Ru K Giá được ly hôn với ông Mô Ham Mách Sa L.

Về con chung: Bà Ru K Giá được tiếp tục nuôi dạy 03 con chung tên 1/ Ru Ha Ny, sinh ngày 28/11/2011; 2/ Nur Roh Mách, sinh ngày 23/12/2016; 3/ Ru Hi Tha D, sinh ngày 24/12/2019;

Bà Ru Ki G cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Sa L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về cấp dưỡng: Buộc ông Sa L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 3 con chung: 1/ Ru Ha N, sinh ngày 28/11/2011; 2/ Nur Roh Mách, sinh ngày 23/12/2016; 3/ Ru Hi

Tha D, sinh ngày 24/12/2019, mỗi con số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng. Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Bà Ru Ki G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010478 ngày 16/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. (Bà Ru Ki G đã nộp đủ). Ông Sa L phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Về quyền kháng cáo: Án tuyên vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết bà Ru Ki G và ông Sa L được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS tỉnh AG;
- VKS huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã Vĩnh Trường, h. An Phú;
- Các đương sự;
- Lưu Vp;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Đỗ Ngọc Mai Thy**